TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nhị

2. Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 152/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Bảo Y, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. có mặt

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Bảo Y trình bày:

Bà Y và ông T có đăng ký kết hôn ở UBND xã A, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33/2012 ngày 23/4/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm và có một con chung tên Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/6/2012. Sau đó, vợ chồng sống không hòa thuận với nhau, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù cả hai đã cố gắng kiềm chế nhưng không đạt kết quả, mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Thấy tình cảm không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể sống chung nên bà Y yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có bảng tường trình, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa, bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà Đỗ Bảo Y với ông Lê Văn T là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Văn T đã được Tòa án thông báo đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Y, xét thấy: Bà Y và ông T qua quen biết rồi tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33/2012 ngày 23/4/2012. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà Y thì nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng sống không hòa thuận với nhau, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 đến nay. Thời gian xảy ra mâu thuẫn đến nay thì hai bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nhau. Ông T được thông báo đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ nhưng ông T không đến tham dự phiên hòa giải, không có mặt tại phiên tòa chứng tỏ ông T ông không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Thấy rằng, giữa ông bà tình cảm không còn đầm ấm nên bà Y yêu cầu ly hôn là phù hợp, do đó căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn. Về con chung, bà Y trình bày từ khi sống chung đến nay, bà Y và ông T có con chung tên Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/6/2012, khi ly hôn bà Y yêu cầu nuôi con chung. Xét thấy, cháu N có nguyện vọng muốn sống chung với bà Y và hiện nay cũng đang sống chung với bà Y. Do đó, cần thiết tiếp tục giao cháu N cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng cho con chung do bà Y không yêu cầu. Bà Y không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Y là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

V*ì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Bảo Y đối với ông Lê Văn T về tranh chấp ly hôn.

Về hôn nhân: Bà Y được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giao cho bà Đỗ Bảo Y là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/6/2012. Ông T không phải cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của bà Y, ông T hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không giải quyết

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Bảo Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001979 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai, bà Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Mỹ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy